

Số: 13/2025/TB-MC

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất ở tại Điểm xen cư nông thôn thôn Mai Chũ (giai đoạn II), xã Đông Nam, huyện Đông Sơn nay là thành phố Thanh Hoá (MBQH số 4177/QĐ-UBND ngày 28/12/2023)

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu;
- Địa chỉ: Số 124 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá:

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ: Tầng 6, Trung tâm hành chính UBND thành phố Thanh Hóa, Đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thông tin tài sản đấu giá:

- Khu đất đấu giá bao gồm 100 lô đất ở tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nay là thành phố Thanh Hoá (MBQH số 4177/QĐ-UBND ngày 28/12/2023).

- Thông tin cụ thể của các lô đất như sau:

3.1. Vị trí, diện tích:

*** Vị trí:**

- Điểm xen cư nông thôn thôn Mai Chũ (giai đoạn II), xã Đông Nam, huyện Đông Sơn nay là thành phố Thanh Hoá (MBQH số 4177/QĐ-UBND ngày 28/12/2023), có giáp ranh như sau:

- + Phía Bắc giáp: Đường Đông Nam đi đường vành đai phía Tây;
- + Phía Nam giáp: Đất nông nghiệp;
- + Phía Đông giáp: Đường vành đai 2 - phía Tây;
- + Phía Tây giáp: Giáp dự án điểm dân cư nông thôn thôn Mai Chũ (giai đoạn I).

- * Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 10.043,5 m², gồm 100 lô đất.

- Diện tích từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo*

3.2. Giá khởi điểm và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

- * Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo.*

- * Hiện trạng các lô đất đấu giá: Khu đất đấu giá đã được bồi thường giải phóng mặt bằng và hoàn thành thi công hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

5.1. Tiền mua hồ sơ: Từ 100.000 đồng/01 hồ sơ. Giá tiền mua hồ sơ là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 76.000.000 đồng đến 137.587.000 đồng/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá:

- Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá. Đấu giá một vòng đấu.
- Người tham gia đấu giá trả giá 01 m² đất, để tính cho giá trị lô đất, trong mặt bằng quy hoạch.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trường hợp trong 01 lô đất có từ hai người tham gia đấu giá trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người đăng ký tham gia đấu giá yêu cầu đấu giá tiếp) và áp dụng bước giá 1% cộng với mức giá trả cao nhất của vòng đấu trước để tổ chức đấu giá.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

7.2. Hồ sơ tham gia đấu giá gồm có:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu (có dấu đỏ), (trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá); Người đăng ký tham gia đấu giá ghi rõ ký hiệu lô đất vào phiếu đăng ký tham gia đấu giá.

- Bản sao Căn cước/Căn cước công dân (Còn thời hạn).

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật (nếu có ủy quyền).

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (Trong giờ hành chính):

+ Tại Trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu: Từ 07h30' ngày 15/4/2025 đến 17h00' ngày 28/4/2025

*** Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 17h00' ngày 28/4/2025**

- **Xem tài sản (Trong giờ hành chính):** Liên tục trong 03 ngày: 21/4/2025; 22/4/2025 và 23/4/2025 tại Điểm xen cư nông thôn thôn Mai Chử (giai đoạn II), xã Đông Nam, huyện Đông Sơn nay là thành phố Thanh Hóa (MBQH số 4177/QĐ-UBND ngày 28/12/2023).

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH và thông báo, Quyết định được niêm yết tại Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa; Trụ sở UBND xã Đông Nam; Nơi tổ chức phiên đấu giá; Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu.

- **Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:**

Thời gian: Từ 07h30' ngày 15/4/2025 đến 17h00' ngày 28/4/2025

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: **Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu**

+ Số tài khoản **881156789999**

+ Tại Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam (LPBank) Chi nhánh Thanh Hóa

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: "**Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá, Số CC/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá cho lô đất ký hiệu tại xã Đông Nam**".

Ví dụ: Nguyễn Văn A, số CC/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá cho lô đất ký hiệu LK3:23, LK3-24; LK4-07,... tại xã Đông Nam.

+ **Lưu ý:** Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ trên thông tin số dư tài khoản hiển thị "**Báo có**" vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu tính đến 17h00' ngày 28/4/2025. Trường hợp khoản tiền đặt trước về tài khoản của Công ty sau 17h00' ngày 28/4/2025 sẽ không hợp lệ. Khi nộp tiền đặt trước mà trên chứng từ chuyển tiền hoặc nội dung giao dịch chuyển tiền bằng Internet Banking không ghi rõ hoặc không ghi ký hiệu lô đất đã đăng ký trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá thì khoản tiền đặt trước không hợp lệ.

- **Tổ chức phiên đấu giá:** Vào hồi 13h30' ngày 06/5/2025 – Thứ 3 tại Nhà Văn hóa - Thể thao xã Đông Nam (Địa chỉ: Thôn Tân Chính, xã Đông Nam, thành phố Thanh Hóa)

- **Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:**

Số điện thoại: 02378.868.168 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: ctydaugiaminhchau@gmail.com.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Công ĐG tài sản quốc gia – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa (đăng Q/C);
- TTPTQĐ thành phố Thanh Hóa (N/Y);
- UBND xã Đông Nam (N/Y);
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
[Signature]
Nguyễn Minh Thắng



Thanh Hóa, ngày 12 tháng 4 năm 2025

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Điểm xen cư nông thôn thôn Mai Chũr (giai đoạn II), xã Đông Nam, huyện Đông Sơn nay là thành phố Thanh Hoá (MBQH số 4177/QĐ-UBND ngày 28/12/2023)

(Kèm theo Thông báo số: 13/2025/TB-MC ngày 12/4/2025 của Công ty Đấu giá Hợp danh Minh Châu)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Hệ số	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá trị QSD đất khởi điểm để đấu giá (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá (đồng/lô đất)	Ghi chú
I	Khu LK3							
1	LK3:23	103,44	1,2	4.800.000	496.512.000	100.000	99.302.000	Đầu ve
2	LK3:24	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
3	LK3:25	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
4	LK3:26	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
5	LK3:27	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
6	LK3:28	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
7	LK3:29	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
8	LK3:30	99,00	1,1	4.400.000	435.600.000	100.000	87.120.000	Mặt tiền + mặt thoáng
9	LK3:31	99,00	1,1	4.400.000	435.600.000	100.000	87.120.000	Mặt tiền + mặt thoáng
10	LK3:32	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
11	LK3:33	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
12	LK3:34	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
13	LK3:35	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
14	LK3:36	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
15	LK3:37	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
16	LK3:38	99,00	1,1	4.400.000	435.600.000	100.000	87.120.000	Mặt tiền + mặt thoáng
17	LK3:39	99,00	1,1	4.400.000	435.600.000	100.000	87.120.000	Mặt tiền + mặt thoáng
18	LK3:40	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
19	LK3:41	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
20	LK3:42	99,00		4.000.000	396.000.000	100.000	79.200.000	
21	LK3:43	143,32	1,2	4.800.000	687.936.000	100.000	137.587.000	Đầu ve
II	Khu LK4							

22	LK4:01	95,50	1,2	4.800.000	458.400.000	100.000	91.680.000	Đầu ve
23	LK4:02	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
24	LK4:03	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
25	LK4:04	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
26	LK4:05	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
27	LK4:06	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
28	LK4:07	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
29	LK4:08	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
30	LK4:09	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
31	LK4:10	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
32	LK4:11	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
33	LK4:12	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
34	LK4:13	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
35	LK4:14	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
36	LK4:15	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
37	LK4:16	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
38	LK4:17	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
39	LK4:18	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
40	LK4:19	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
41	LK4:20	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
42	LK4:21	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
43	LK4:22	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
44	LK4:23	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
45	LK4:24	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
46	LK4:25	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
47	LK4:26	95,50	1,2	4.800.000	458.400.000	100.000	91.680.000	Đầu ve
48	LK4:27	142,30	1,2	4.800.000	683.040.000	100.000	136.608.000	Đầu ve
49	LK4:28	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
50	LK4:29	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
51	LK4:30	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
52	LK4:31	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
53	LK4:32	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
54	LK4:33	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
55	LK4:34	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
56	LK4:35	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
57	LK4:36	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
58	LK4:37	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
59	LK4:38	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
60	LK4:39	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
61	LK4:40	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
62	LK4:41	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	

63	LK4:42	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
64	LK4:43	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
65	LK4:44	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
66	LK4:45	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
67	LK4:46	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
68	LK4:47	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
69	LK4:48	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
70	LK4:49	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
71	LK4:50	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
72	LK4:51	95,50	1,2	4.800.000	458.400.000	100.000	91.680.000	Đầu ve
III	Khu LK5							
73	LK5:01	105,50	1,2	4.800.000	506.400.000	100.000	101.280.000	Đầu ve
74	LK5:02	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
75	LK5:03	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
76	LK5:04	100,00	1,1	4.400.000	440.000.000	100.000	88.000.000	Mặt tiền + mặt thoáng
77	LK5:05	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
78	LK5:06	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
79	LK5:07	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
80	LK5:08	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
81	LK5:09	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
82	LK5:10	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
83	LK5:11	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
84	LK5:12	100,00		4.000.000	400.000.000	100.000	80.000.000	
85	LK5:13	99,95		4.000.000	399.800.000	100.000	79.960.000	
86	LK5:14	101,99	1,2	4.800.000	489.552.000	100.000	97.910.000	Đầu ve
87	LK5:15	139,50	1,2	4.800.000	669.600.000	100.000	133.920.000	Đầu ve
88	LK5:16	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
89	LK5:17	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
90	LK5:18	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
91	LK5:19	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
92	LK5:20	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
93	LK5:21	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
94	LK5:22	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
95	LK5:23	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
96	LK5:24	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
97	LK5:25	95,00	1,1	4.400.000	418.000.000	100.000	83.600.000	Mặt tiền + mặt thoáng
98	LK5:26	95,00	1,1	4.400.000	418.000.000	100.000	83.600.000	Mặt tiền + mặt thoáng
99	LK5:27	95,00		4.000.000	380.000.000	100.000	76.000.000	
100	LK5:28	100,00	1,2	4.800.000	480.000.000	100.000	96.000.000	Đầu ve
Tổng: 100 lô đất		10.043,50			41.706.440.000		8.341.287.000	